

Số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2021

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương và ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc “xin ly hôn và giao quyền trực tiếp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn N1, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Bá N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn N1, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo chị Trần Thị T (nguyên đơn) trình bày: Chị T và anh Hoàng Bá N trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo tập quán vào tháng 7 năm 2013. Sau khi cưới thì hai người về sống cùng gia đình bố mẹ chồng và đến ngày 11/01/2014 thì sinh con. Sau khi sinh con thì chị T và anh N đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 25 tháng 02 năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân là do anh N không chịu tìm kiếm việc làm mà cứ ở nhà rồi tụ tập bạn bè chơi bời nhậu nhẹt. Chị T đã nhờ gia đình chồng khuyên bảo can ngăn nhưng anh N vẫn không thay đổi nên cuối năm 2017, chị T đã bùng

con vào Buôn Ma Thuật làm việc cho anh trai mình. Đầu năm 2019, anh N đã vào gặp chị T để xin lỗi và hứa sửa chữa sai lầm, được gia đình hai bên đồng ý nên chị T trở về đoàn tụ cùng anh N tại quê nhà. Cuộc sống vợ chồng tạm ổn được khoảng 7 tháng thì chị T thấy anh N không thay đổi được gì mà vẫn trở về con đường cũ nên chị T đã bỏ con về sống cùng bố mẹ mình.

Sau thời gian suy nghĩ chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt nhiều lần, chị T đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn nhưng anh N vẫn chứng nào tật ấy nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và quyết định nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh N.

Về con, chị T trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 11/01/2014 hiện ở với mẹ. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn - Anh Hoàng Bá N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh N thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho anh N giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt nên vụ án được đưa ra xét xử.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh và được Ban tư pháp và Hội phụ nữ xã Đ cho biết: Anh Hoàng Bá N sống cùng bố mẹ tại thôn N1, xã Đ. Cán bộ tư pháp xã đã đến tại nhà giao trực tiếp cho anh N giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, đồng thời động viên anh N đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Về tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh N đã xảy ra trầm trọng nhiều năm. Nguyên nhân là do anh N ham chơi đua đòi, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Tình trạng này xảy ra trong thời gian dài không hàn gắn được nên đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Bá N và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con; Về cấp dưỡng, về tài sản và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Đối với Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót gì cần kiến nghị khắc phục.

- Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy tình cảm vợ chồng của chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Qua đó chứng tỏ anh N cũng không muốn níu kéo để giữ tình cảm vợ chồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh N; Giao cho chị T quyền trực tiếp nuôi con. Các vấn đề khác không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Bá N được UBND xã Đ, huyện Phong Điền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, chị T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, anh N có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên việc Tòa án huyện Phong Điền thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh N là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp thì anh N đều vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh N thủ tục tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng cả 02 lần khai mạc phiên tòa thì anh N đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị T xin ly hôn vì anh N không có trách nhiệm đối với vợ con, không chịu tìm kiếm việc làm, lại đua đòi ham chơi. Mặc dù chị T đã cho anh N nhiều cơ hội để khắc phục sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Lời trình bày của chị T không bị anh N phản đối và phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tích cực khuyên can nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 11/01/2014 hiện đang ở với mẹ. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng;

Theo Luật hôn nhân và gia đình, cả bố và mẹ đều có quyền ngang nhau trong việc nuôi con sau ly hôn. Tuy nhiên, để giao con cho bên nào nuôi phải xem xét nhu cầu của con; Điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển toàn diện về mọi mặt, kể cả trước mắt và lâu dài hay không.

Xét thấy, anh N không có công việc ổn định và cũng không có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, đương sự không yêu cầu nên hội đồng không xét. Về Tài sản chung, nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng không đề cập.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị T với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Bá N;
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Thị Minh H, sinh ngày 11/01/2014 (hiện đang ở với mẹ) kể từ ngày tuyên án đến khi cháu H đủ 18 tuổi;

Anh Hoàng Bá N có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 0000998 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm